

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

An Khê, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết TL1/500 điều chỉnh, bổ sung
quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng
tại các đường kiệt trên địa bàn phường**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN KHÊ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) số 72/2025/QH15
ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày
26/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về
việc quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về
việc quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp,
phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng
về quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về
việc Ban hành QCVN01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây
dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng
Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công
trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến
năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thành
phố Đà Nẵng về việc Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (một số nội dung về sử dụng đất tại các
khu vực các phân khu: Công nghệ cao, Đô thị Sườn đồi, Đổi mới sáng tạo, Ven
vịnh Đà Nẵng, Cảng biển Liên Chiểu, Trung tâm Lõi xanh);*

*Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND thành
phố Đà Nẵng về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Trung tâm lõi xanh,
tỷ lệ 1/2000;*

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Sân bay, TL 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về ban hành quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Chủ tịch UBND Quận Thanh Khê (cũ) về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt quận Thanh Khê;

Căn cứ Quyết định số 9247/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND Quận Cẩm Lệ (cũ) đã phê duyệt Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1: 500 Quy hoạch lộ giới kiệt hẻm trên địa bàn quận Cẩm Lệ (các kiệt, hẻm nằm ngoài Quyết định số 9247/QĐ-UBND ngày 29/11/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng);

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND phường An Khê về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu dự toán năm 2025 cho đơn vị trên địa bàn phường An Khê;

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Chủ tịch UBND phường An Khê về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường;

Căn cứ Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của Chủ tịch UBND phường An Khê về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn lập điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường;

Căn cứ Thông báo số 326/TB-UBND ngày 30/12/2025 của UBND phường An Khê về việc Thông báo kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường;

Theo Thông báo số 38/TB-HĐTĐ ngày 31/12/2025 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND phường về việc tổ chức cuộc họp thông qua đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Khê tại Công văn số 723/KTHT&ĐT-QLXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ quy hoạch chi tiết TL 1/500 đồ án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết TL 1/500 Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường, kèm theo hồ sơ do Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đà Rồng lập với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường.

2. Loại, cấp độ quy hoạch:

- Loại quy hoạch: Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp độ quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

3. Chủ đầu tư: UBND phường An Khê.

4. Cơ quan tổ chức lập: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường An Khê.

5. Cơ quan phê duyệt: UBND phường An Khê.

6. Địa điểm thực hiện: Phường An Khê, thành phố Đà Nẵng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp kiến thiết thị chính năm 2025.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

9. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết

9.1. Sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết

- Việc quy hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường An Khê, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay làm cơ sở phục vụ công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng, quy hoạch đô thị và triển khai các bước đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong thời gian đến là rất cần thiết và cấp bách.

9.2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô nghiên cứu

a) Vị trí, phạm vi ranh giới

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc các phường An Khê, thành phố Đà Nẵng. *(gồm các phường An Khê quận Thanh Khê cũ; phường Hòa An và phường Hòa Phát thuộc quận Cẩm Lệ cũ)*

- Phạm vi ranh giới nghiên cứu quy hoạch: Toàn bộ các kiệt hẻm trên địa bàn trong phạm vi địa giới hành chính phường An Khê, thành phố Đà Nẵng.

b) Quy mô nghiên cứu: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 12,36km².

c) Đối tượng nghiên cứu: Tất cả các kiệt, hẻm thuộc địa giới hành chính phường An Khê, thành phố Đà Nẵng.

9.3. Chức năng

- Quy hoạch xác định lộ giới và các quy định về xây dựng tại các đường kiệt trên địa bàn phường An Khê, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo phục vụ

nhu cầu giao thông đi lại, công tác phòng cháy chữa cháy cho người dân tại khu vực, đồng thời quy định các chỉ tiêu kiến trúc, quản lý trật tự xây dựng các công trình nhà ở, công trình khác dọc theo các tuyến kiệt hẻm.

- Xác định lộ giới kiệt làm cơ sở để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo điều kiện khả thi thực hiện nâng cấp, mở rộng theo các dự án, đề án cải tạo nâng cấp, mở rộng các kiệt hẻm trên địa bàn phường trong những năm tới.

- Làm cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước quản lý quy hoạch, quản lý cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng, quy hoạch đô thị.

9.4 Chỉ tiêu sử dụng đất và các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án quy hoạch:

Tuân thủ theo các chỉ tiêu quy định tại đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý kiến trúc tại Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành (QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD, QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD) và trên điều kiện thực tế của khu vực nghiên cứu.

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
1	Tỷ lệ đất giao thông	%	100
2	Mặt cắt giao thông		
2.1	Mặt cắt 1 - 1	m	< 2,5
2.2	Mặt cắt 2 - 2	m	2,5 ÷ < 4,0
2.3	Mặt cắt 3 - 3	m	4,0 ÷ < 7,0
2.4	Mặt cắt 4 - 4	m	≥ 7,0

a) Chỉ tiêu về lộ giới:

- Lộ giới kiệt được xác định công bố quy hoạch từ 2,0m trở lên và theo thông số nghiên cứu tăng giảm lộ giới kiệt cách nhau tối thiểu là 50cm/1 đơn vị: 22,0m; 2,5m; ...; 4,0m; 7,0m.

- Đối với các vị trí có mặt cắt đường kiệt thực tế rộng hơn lộ giới quy định thì vẫn giữ nguyên lộ giới theo quy hoạch.

- Xác định tim đường kiệt: Tim đường kiệt được xác định theo tim đường hiện trạng. Riêng một số trường hợp đặc biệt có chình nắn tim đường kiệt sẽ được thể hiện cụ thể tại các bản vẽ quy hoạch chi tiết.

b) Chỉ tiêu xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ dọc theo các kiệt hẻm

- Chỉ giới xây dựng, độ vưon ban công:

+ Không cho phép xây dựng lấn chiếm phần không gian, phần đất (kể cả phần ngầm) đối với khu vực kế cận và vượt khỏi không gian chỉ giới đường đỏ của đường kiệt.

+ Phần không gian từ tầng 2 trở lên, nếu có nhu cầu xây dựng vưon ban

công, ô văng cho công trình (phần nhà tầng 01 hay trệt) phải xây dựng có khoảng lùi và ban công, ô văng được vươn ra tối đa bằng kích thước khoảng lùi. (Lưu ý: Ban công, ô văng không ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật đã có từ trước, như: đường điện sinh hoạt, đường dây thông tin liên lạc...).

- Tầng cao xây dựng công trình:

+ Đối với những kiệt có lộ giới $< 2,5\text{m}$, công trình được phép xây dựng tối đa là 03 tầng với tổng chiều cao không quá 13,0m;

+ Đối với những kiệt có lộ giới $\geq 2,5\text{m}$ đến $< 4\text{m}$, công trình được phép xây dựng tối đa 03 tầng, với tổng chiều cao không quá 13m. Trường hợp xét thấy các thửa đất có kích thước chiều ngang và chiều sâu, nếu chủ đầu tư có nhu cầu xây dựng 4 tầng thì phải xây dựng có khoảng lùi tối thiểu là 3m so với chỉ giới đường đỏ nhưng tổng chiều cao không quá 16,5m;

+ Đối với những kiệt có lộ giới $\geq 4\text{m}$ đến $< 7\text{m}$, công trình được phép xây dựng tối đa 4 tầng, với tổng chiều cao không quá 16,5m;

+ Đối với những kiệt có lộ giới $\geq 7\text{m}$, công trình được phép xây dựng tối đa 5 tầng; Riêng tầng 5 phải xây dựng có khoảng lùi tối thiểu là 3m so với chỉ giới đường đỏ, với tổng chiều cao không quá 20m;

Lưu ý:

+ *Tầng lửng không tính vào số tầng công trình khi có diện tích sàn $\leq 65\%$ diện tích sàn của tầng có công năng sử dụng chính ngay bên dưới và chỉ cho phép có 01 tầng lửng không tính vào số tầng công trình; và tầng tum không tính vào số tầng của công trình khi có diện tích sàn $\leq 30\%$ diện tích sàn mái.*

+ *Chiều cao tầng 1 (tầng trệt) không nhỏ hơn 3,6m và không cao quá 4,2m; nếu có tầng lửng hoặc bán hầm thì chiều cao tầng 1 không dưới 5,6m và không quá 6,0m; từ tầng 2 trở lên không chế chiều cao thông thủy tối thiểu là 2,7m.*

+ *Tổng chiều cao của công trình: Tối đa bằng 5 lần bề rộng cạnh ngắn nhất của công trình.*

- Cao trình xây dựng: Cao độ nền tầng 1 là +0,2m so với mặt đường kiệt đối với nhà không có sân trước. Đối với nhà có sân trước, cao độ nền cho phép lớn hơn 0,2m nhưng $\leq 0,45\text{m}$ so với mặt đường kiệt;

c) Quy định với công trình nhà ở riêng lẻ có diện tích đất xây dựng nhỏ:

- Các trường hợp đất nhỏ dưới chuẩn:

Các trường hợp diện tích đất xây dựng (không tính diện tích đất nằm trong khoảng lùi bắt buộc) nhỏ hơn 25m^2 hoặc từ 25m^2 đến 45m^2 nhưng có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng nhỏ hơn 3m, sẽ được xem xét giải quyết theo từng tình huống như sau:

+ Trường hợp những lô đất nhỏ dưới chuẩn thuộc khu vực có kế hoạch triển khai dự án phát triển, tái phát triển (trong thời gian ngắn hạn dưới 5 năm) đã được UBND thành phố phê duyệt thì chỉ được phép cải tạo theo quy mô cũ.

Khi dự án triển khai sẽ được đền bù và giải quyết di dời; hoặc khuyến khích các hộ liền kề đấu giá quyền sử dụng đất để hợp thửa, nhằm đảm bảo diện tích đạt chuẩn, áp dụng các chỉ tiêu xây dựng với quy mô thông thường tương ứng.

+ Trường hợp không có các dự án nào sẽ thực hiện trong khu vực, cho phép cải tạo, xây mới với số tầng cao không quá 3 tầng và chiều cao công trình không quá 13m; tối đa bằng 5 lần bề rộng cạnh ngắn nhất của công trình.

- Các trường hợp có diện tích đất xây dựng nhỏ:

Các trường hợp có diện tích đất xây dựng từ 25m² đến 45m² (không tính phần diện tích đất nằm trong khoảng lùi bắt buộc) và có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3m trở lên, sẽ được cấp phép cải tạo, xây dựng mới với các điều kiện sau:

+ Phù hợp với các quy định về kiến trúc cảnh quan tại khu vực.

+ Chiều cao công trình được xem xét tương thích với đa số các công trình xung quanh trong bán kính 50m, nhưng không được xây quá 4 tầng và chiều cao công trình không quá 15m.

d) Chỉ tiêu xây dựng công trình khác nhà ở dọc theo các kiệt hẻm (chỉ áp dụng đối với những kiệt có lộ giới ≥ 7 m).

Đối với công trình khác nhà ở tại kiệt hẻm chỉ áp dụng đối với những kiệt có quy hoạch lộ giới ≥ 7 m; đồng thời phải đảm bảo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, hệ thống thu gom và đầu nối nước thải.

đ) Mật độ xây dựng:

Theo Bảng 2.8 QCVN 01:2021/BXD, mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ (nhà biệt thự, nhà ở liên kế, nhà ở độc lập):

Diện tích lô đất (m ²)	≤ 90	100	200	300	500	≥ 1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40

Riêng các lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ có chiều cao ≤ 25 m có diện tích lô đất ≤ 100 m² được phép xây dựng đến mật độ tối đa là 100% nhưng vẫn phải đảm bảo các quy định về khoảng lùi, khoảng cách giữa các công trình theo quy định.

Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ đảm bảo hệ số sử dụng đất ≤ 7 lần.

e) Các chỉ tiêu kiến trúc chung khác:

- Các chi tiết kiến trúc như bậc thềm, ram dốc, bậc cửa, gờ chỉ, ô-văng, mái đua, mái đón, móng nhà công trình nhà ở không được đua vượt quá phương thẳng đứng của không gian chỉ giới đường đỏ và không gian của công trình kề cận (kể cả phần ngầm của công trình).

- Khuyến khích việc tạo ban công, lô-gia hay khoảng lùi phía mặt tiền đường kiệt nhằm tăng mỹ quan kiến trúc mặt đứng công trình.

- Nghiêm cấm việc xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung

đông người, gây tiếng ồn, dễ cháy nổ và ô nhiễm môi trường trong các tuyến đường kiệt.

9.5. Vệ sinh đô thị:

a) Nước thải

- Nước thải của khu vệ sinh (xí, tiểu) phải được xử lý qua bể tự hoại, xây dựng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi đổ vào cống thành phố.

- Nước mưa và các loại nước thải không được xả sang nhà bên cạnh hay xả trực tiếp trên mặt vỉa hè, đường phố mà phải theo hệ thống ống hay cống ngầm từ nhà chảy vào hệ thống thoát nước đô thị.

b) Thải khí khói

- Không được xả khí bụi, khí thải sang nhà bên cạnh gây cho dân cư xung quanh.

- Miệng xả ống khói, ống thông hơi không được hướng ra đường kiệt.

9.6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

- Về tổ chức các yếu tố cảnh quan chính (công trình kiến trúc): Đảm bảo theo đúng các hồ sơ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, hồ sơ thiết kế đô thị, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về sử dụng đất, mật độ xây dựng mà đồ án đã đề ra để các yếu tố tham gia tạo cảnh quan chính của dự án là các công trình, cây xanh, vẫn giữ được ý đồ trong bố cục tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc của đồ án;

- Các công trình kiến trúc nhỏ, các tiện nghi khu vực có ảnh hưởng đến không gian cảnh quan của khu vực như trụ cứu hỏa, biển hướng dẫn, ghế đá... đảm bảo không làm che khuất chi tiết kiến trúc của công trình chính, không gây cản trở lưu thông, không gây nguy hiểm cho người sử dụng;

- Đảm bảo kiến trúc công trình và màu sắc công trình kiến trúc hài hòa với nhau trong tổng thể khu quy hoạch;

- Yêu cầu cơ bản nhất để bảo vệ cảnh quan là phải đảm bảo hệ thống và mạng lưới hạ tầng kỹ thuật tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom rác và xử lý phải được tổ chức tốt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm:

+ Cung cấp Quyết định này kèm theo hồ sơ quy hoạch được duyệt đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan được biết và lưu trữ theo quy định.

+ Quản lý đồ án quy hoạch được duyệt và tham mưu UBND phường cấp giấy phép xây dựng công trình tại các đường kiệt theo đúng thẩm quyền và theo các nội dung quy hoạch được duyệt.

+ Hướng dẫn các chủ sử dụng đất thực hiện các thủ tục về đất đai theo đúng quy định.

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện niêm yết và công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt theo quy định (thời gian công bố quy hoạch không quá 45 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực

thi hành). Đồng thời thực hiện lập dự án đầu tư cấm biển tên và lộ giới kiệt trên thực địa trình UBND phường phê duyệt theo quy định.

- Giao Trung tâm cung ứng sự nghiệp công phường quản lý trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường tại các đường kiệt theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao.

- Giao Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan khảo sát và đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật tại các đường kiệt hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND phường; Trưởng các phòng: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII - Phòng giao dịch số 2; Giám đốc Trung tâm cung ứng sự nghiệp công phường; Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Đà Rồng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND thành phố (báo cáo);
- Các Sở: XD; NN&MT (báo cáo);
- Đảng Ủy phường (báo cáo);
- Các PCT phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT_(Nam).

CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Hậu